TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ - ST
Ngày:22/7/2022
"V/v ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thu

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Bắc

2. Bà Nguyễn Thị Tiến

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2022/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:25/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2022/QĐ - TA ngày 06/7/2022 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thu H, sinh năm 1991

ĐKHKTT: Khu 6, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Hiện trú tại: Số 3 V, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Vũ Xuân K, sinh năm 1985

ĐKHKTT: Khu 6, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Hiện trú tại: Số 3 V , phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

+ Người làm chứng:

- Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số T, khu 6, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị Nga, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số V, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Ngô Thu H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn K kết hôn với nhau vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh khoảng 01 năm đến khoảng cuối năm 2011 khi chị chuẩn bị sinh con thì vợ chồng về thành phố Hải Dương sinh sống cùng gia đình anh K. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh K có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Khi chị phát hiện ra chị cũng đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh K không thay đổi, vợ chồng mâu thuẫn, nhiều lần cãi nhau. Chị H cũng có nói với gia đình hai bên về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Sau đó khoảng đầu năm 2014, chị có xin phép mẹ chồng chị đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại tỉnh Bình Dương sinh sống. Chị và con về nhà bố mẹ đẻ sống khoảng 01 năm thì anh K có vào đón con về chơi và đưa mẹ đẻ anh cùng con về ngoài bắc sinh sống còn chị vẫn sống ở thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 đến năm 2016, anh K không cho chị thăm gặp con và không cung cấp địa chỉ con ở đâu để chị đến thăm. Đến cuối năm 2016, anh K có đề nghị vợ chồng chị về chung sống với nhau để nuôi dạy con vì con lớn bị tự kỷ nên chị đã đồng ý quay về chung sống với anh K. Sau khi quay về chung sống chị và anh K có thêm 01 con chung vào năm 2017. Đến tháng 3 năm 2019 thì vợ chồng mua nhà tại khu 4, phường T, thành phố Hải Dương và chuyển về đó sinh sống. Từ khi quay về chung sống với nhau, anh K không có trách nhiệm với gia đình, vợ con và vẫn giữ mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Vợ chồng chị sống ly thân từ giữa năm 2020 đến nay. Quá trình vợ chồng sống ly thân anh K không quan tâm gì đến chị và con, bỏ mặc một mình chị nuôi cả hai con, không đưa tiền cho chị để chị lo cho gia đình và các con. Từ khi chị làm đơn xin ly hôn anh K gửi Tòa án đến nay chị cũng nhiều lần thông báo cho anh K và gọi anh K về giải quyết việc ly hôn nhưng anh K không hợp tác, ngày 01/6/2022 anh K về nhà vài ngày chị đã nói chuyện và khuyên anh K đến Tòa để giải quyết ly hôn thì anh K có nói với chị là anh K đồng ý ly hôn nhưng không đến tòa mặc kệ chị muốn giải quyết thế nào thì giải quyết. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh K để chị ổn định cuộc sống.

- Về quan hệ con chung: Chị và anh K có 02 con chung là Vũ Xuân H, sinh ngày 28/02/2012 và Vũ Xuân H, sinh ngày 22/5/2017. Hiện nay cả hai con đang ở với chị. Ly hôn chị H xin nhận nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm kinh doanh tại nhà, thu nhập khoảng 10 triệu đồng tháng, đủ khả năng nuôi con. Về chỗ ở hiện nay chị và các con đang ở ngôi nhà là tài sản chung của vợ chồng, nhà cửa rộng rãi thoáng mát đảm bảo sinh hoạt, học tập cho các con.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Xuân K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa trình bày quan điểm.

Người làm chứng bà Phạm Thị T (mẹ đẻ chị H trình bày):

Bà là mẹ đẻ chị H và là mẹ vợ anh K. Chị H và anh K kết hôn với nhau vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh K không quan tâm đến gia đình vợ con, bỏ mặc chị H một mình làm ăn trả nợ và nuôi con từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau. Khoảng năm 2014, 2015 chị H anh K đã sống ly thân, mẹ con chị H đã về nhà bà sinh sống sau đó lại về chung sống với nhau nhưng anh K vẫn không thay đổi tính nết. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh K, bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn để chị ổn định cuộc sống.

Người làm chứng chị Nguyễn Thị Y (là em dâu anh K) trình bày:

Chị là em dâu của anh K, chị H. Chị H và anh K kết hôn vào tháng 9 năm 2011. Đầu năm 2012 sau khi kết hôn với em ruột anh K chị có về chung sống cùng gia đình chồng, anh K và chị H cũng ở cùng với gia đình bố chồng chị tại địa chỉ số T, khu 6, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Sau khi chung sống một thời gian thì anh K, chị H dọn ra ở riêng. Sau đó đến năm 2020 anh K chị H mua nhà và chuyển về sinh sống tại địa chỉ số V, khu 4, phường T, thành phố Hải Dương. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, do anh K không quan tâm chăm sóc vợ con, chị H một mình gánh vác việc gia đình, chăm sóc con cái, không nhận được sự quan tâm, chia sẻ mọi việc trong gia đình từ anh K. Nay chị H xin ly hôn anh K, chị Y đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng chị Nguyễn Thị Ng (là hàng xóm của chị H, anh K) trình bày:

Chị Ng là hàng xóm của chị H, anh K. Chị H và anh K chuyển về gần nhà chị Ng sinh sống từ khoảng đầu năm 2020. Quá trình chung sống anh K là lái xe đường dài nên chỉ thỉnh thoảng mới về nhà, khi về nhà cũng không tiếp xúc với hàng xóm. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, do là hàng xóm nhưng nhận thấy anh K không quan tâm đến gia đình, vợ con, thậm chí khi vợ con ốm anh K cũng không về chăm sóc mà chỉ về một lúc rồi đi ngay. Chị Ng nhận thấy chị H rất vất vả khi phải chăm sóc con nhưng không nhận được sự chia sẻ của anh K. Đến nay chị H làm đơn xin ly hôn anh K đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xác minh với ông Nguyễn Hà S (trưởng khu 4) trình bày: Chị H, anh K có đăng ký tạm trú ở địa chỉ số V, khu 4, phường T, thành phố Hải Dương. Vào cuối năm 2020 thì anh K, chị H chuyển về địa chỉ trên sinh sống và có ra khu khai báo tạm trú. Trong quá trình chung sống ở khu, anh K là lái xe đường dài nên thường xuyên vắng nhà, chỉ thỉnh thoảng anh K mới về nhà. Về nguyên nhân mẫu thuẫn giữa chị H và anh K thì khu không nắm được vì khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng không báo gì với khu, không nhờ khu tiến hành hòa giải. Hiện nay chị H, anh K vẫn đăng ký tạm trú tại khu 4, phường T, khu chưa thấy anh K hay chị H đến khai báo chuyển đi nơi khác sinh sống. Việc ly hôn của chị H, anh K đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xác minh với bà Nguyễn Thị Ng (chi hội trưởng phụ nữ khu 4) trình bày: Do chị H không tham gia các hoạt động phụ nữ của địa phương nên khi xảy ra mâu thuẫn chị H không nhờ ban công tác hòa giải của khu tiến hành hòa giải

mâu thuẫn vợ chồng nên hội phụ nữ khu không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh K.

Xác minh tại Công an phường Thanh Bình xác định:

Gia đình chị Ngô Thu H và anh Vũ Xuân K về sinh sống tại địa chỉ V, khu 4, phường T, thành phố Hải Dương từ khoảng cuối năm 2020 nhưng đến tháng 5 năm 2022 chị H anh K mới đến công an phường đăng ký tạm trú. Qua theo dõi công dân đăng ký hộ khẩu tạm trú thì hiện nay chị H anh K vẫn sinh sống tại đây. Anh K đi làm nhưng vẫn về nhà, còn chị H kinh doanh quần áo tại nhà.

Tại phiên toà: Nguyên đơn chị H có đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh K; Về con chung: Chị H xin nhận nuôi hai con Vũ Xuân H, sinh ngày 28/02/2012 và Vũ Xuân H, sinh ngày 22/5/2017. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh K vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về đướng lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 -12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Ngô Thu H ly hôn anh Vũ Xuân K; Về quan hệ con chung: Giao cho chị Ngô Thu H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Vũ Xuân H, sinh ngày 28/02/2012 và Vũ Xuân H, sinh ngày 22/5/2017 đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết; Về án phí: Chị Ngô Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**:

- **Về thẩm quyền giải quyết vụ án**: Bị đơn anh Vũ Xuân K đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 6, phường C, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; Đăng ký tạm trú tại: Số 5V, khu 4, phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Quá

trình giải quyết vụ án Tòa án đã lấy lời khai, tiến hành xác minh với chị H, chính quyền địa phương, Công an phường T đều xác định anh K, chị H về sinh sống tại địa chỉ số 5V, phường T, TP Hải Dương từ năm 2020 đến nay. Anh K là lái xe tải đường dài nhưng vẫn về nhà. Theo công văn trả lời số 11923/QLXNC - P5 ngày 09/6/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an thì anh Vũ Xuân K có sử dụng hộ chiếu số C8370359 để nhập cảnh ngày 04112019 qua cửa khẩu Tây Trang, như vậy đến thời điểm Tòa án thụ lý vụ án anh K không đi nước ngoài. Do vậy xác định địa chỉ của anh K là nơi đăng ký tạm trú số 5A/71/88 phố V, khu 4, phường T, thành phố Hải Dương nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Hải Dương.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Ngô Thu H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Vũ xuân K trong suốt quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh K tại địa chỉ nơi đăng ký tạm trú nhưng anh Kvẫn không về tham gia tố tụng tại Tòa án. Anh K vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do chính đáng. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh K theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người làm chứng bà Phạm Thị T, chị Nguyễn Thị Ng, chị Nguyễn Thị Y vắng mặt tại phiên tòa, đã có lời khai trực tiếp với Tòa án. Căn cứ khoản khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] **Về quan hệ hôn nhân**: Chị Ngô Thu H và anh Vũ Xuân K kết hôn năm 2011 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị H trình bày là do anh K không chăm lo cho gia đình, bỏ mặc chị H một mình nuôi con, có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị H và gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng anh K không thay đổi. Thực tế kể từ khi kết hôn vợ chồng đã có thời gian sống ly thân từ năm 2014 đến năm 2016, nhưng sau đó vì nghĩ đến con nên vợ chồng lại về đoàn tụ chung sống với nhau vào cuối năm 2016. Tuy nhiên từ khi về chung sống với nhau vợ chồng chị H, anh K vẫn không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn. Từ năm 2020 đến nay anh K và chị H sống ly thân, trong thời gian sống ly thân vợ chồng mỗi người đều có công việc riêng, không quan tâm đến nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh K đến Tòa để trình bày quan điểm về việc ly hôn nhưng anh K không có mặt, điều này chứng tỏ anh K không mong muốn đoàn tụ, không có biện pháp cải thiện tình trạng vợ chồng, cố tình gây khó khăn cho chị H trong việc giải quyết ly hôn.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hiền, xử chị Ngô Thu H ly hôn anh Vũ Xuân K là phù hợp quy định pháp luật để hai bên ổn định cuộc sống.

[3] **Về quan hệ con chung**: Chị H và anh K có 02 con chung là Vũ Xuân H, sinh ngày 28/02/2012 và Vũ Xuân H, sinh ngày 22/5/2017. Ly hôn chị H xin nhận nuôi hai con và tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét thấy: Cháu Vũ Xuân H hiện đã trên 7 tuổi và có quan điểm xin ở với mẹ, cháu H hiện còn nhỏ. Anh K là lái xe đường dài thường xuyên đi làm xa nên không có thời gian và điều kiện chăm sóc cho hai con. Chị H hiện làm kinh doanh tại nhà có mức thu nhập ổn định, có thời gian và điều kiện chăm sóc cho cả hai con. Do vậy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Vũ Xuân H và Vũ Xuân H cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] **Về tài sản chung, nợ chung**: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa trình bày quan điểm về tài sản chung, nợ chung. Nếu sau này anh K có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án hôn nhân gia đình khác.

[5] **Về án phí**: Chị Ngô Thu H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Xử chị Ngô Thu H ly hôn anh Vũ Xuân K.

2. **Về quan hệ con chung**: Giao cho chị Ngô Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung là Vũ Xuân H, sinh ngày 28/02/2012 và Vũ Xuân H, sinh ngày 22/5/2017 kể từ tháng 7 năm 2022 đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. **Về án phí**: Chị Ngô Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu

số AA/2020/0001958 ngày 20/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- UBND phường C, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương;(ĐKKH ngày 16/9/2011).
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu